

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM ĐÀN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 28 tháng 11 năm 2022

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Phú.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thu Hiền
2. Ông Nguyễn Như Khôi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Văn Đình Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 208/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST – HNGĐ, ngày 11 tháng 11 năm 2022; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị L, sinh năm 1973.

Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Xóm BA, xã HT, huyện Nam Đàn, Nghệ An.
Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1964.

Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Xóm BA, xã HT, huyện Nam Đàn, Nghệ An.
Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 05 tháng 10 năm 2022 cũng như bản tự khai, lời khai trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đinh Thị Lương trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn từ tháng 4 năm 1990 tại xóm BA (xóm QT cũ), xã HT, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, kinh tế gia đình khó khăn.

Từ tháng 8 năm 2004 chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, cứ 3 năm chị về nước một lần nhưng mỗi lần về anh Đ lại thường xuyên gây sự, chửi bới, không chịu được cuộc sống bất hòa nên chị tiếp tục đi Đài Loan. Tháng 03 năm 2022 chị

về hấn, tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được do anh Đ thường xuyên gây sự và cho rằng chị có tài sản riêng, quan hệ bất chính nên anh đã nhiều lần đánh đập, xúc phạm nhân phẩm chị và gia đình bên ngoại. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành, từ tháng 6 năm 2022 thì vợ chồng chị sống ly thân. Để ổn định cuộc sống, chị yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn Đ có 04 con chung gồm: Nguyễn Thị H, sinh ngày 20/9/1990; Nguyễn Thị Minh H, sinh ngày 10/6/1992; Nguyễn Thị H1, sinh ngày 21/10/1998; Nguyễn Văn T, sinh ngày 21/01/2003. Con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Anh và chị Đinh Thị L sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn. Nay chị L yêu cầu không công nhận là vợ chồng, anh không đồng ý vì anh và chị còn thương nhau nên mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị Đinh Thị L có 04 con chung như chị L trình bày. Con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên anh không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của chị Đinh Thị L và anh Nguyễn Văn Đ tại địa phương thì được biết: Anh Đ và chị L chung sống với nhau khoảng từ năm 1990 tại xã HT, huyện Nam Đàn nhưng không đăng ký kết hôn tại địa phương. Chị L và anh Đ có 4 người con hiện đã trưởng thành. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như thế nào địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp; Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ, tổng đạt đảm bảo quyền của đương sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự từ Điều 139 đến Điều 260 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của Thư ký phiên tòa được thực hiện đúng quy định tại Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó việc Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Đinh Thị L và anh Nguyễn Văn Đ là vợ chồng.

Về con chung: Con chung đã đủ tuổi trưởng thành, nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Chị Đinh Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đinh Thị L yêu cầu không công nhận là vợ chồng với bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ có địa chỉ cư trú tại xã HT, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị L và anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 4 năm 1990 nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn được chị L xác định là do bất đồng quan điểm sống, anh Đ thường xuyên chửi bới, xúc phạm chị và gia đình bên ngoại, vợ chồng sống ly thân từ tháng 6 năm 2022 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Lương làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh Nguyễn Văn Đ là vợ chồng. Anh Nguyễn Văn Đ thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị L trình bày nhưng không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị L và mong muốn vợ chồng đoàn tụ vì anh đang còn yêu thương chị L. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chị L anh Đ đã xác định chị Đinh Thị L và anh Nguyễn Văn Đ không đăng ký kết hôn với nhau.

Tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp quy định: *“Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu*

hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình”.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng*”. Chị L đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng với anh Nguyễn Văn Đ là có căn cứ nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L. Do anh Đ chị L không đăng ký kết hôn nên Tòa án tuyên bố không công nhận chị Đinh Thị L và anh Nguyễn Văn Đ là vợ chồng.

Về con chung: Chị Đinh Thị L và anh Nguyễn Văn Đ có 04 con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 20/9/1990; Nguyễn Thị Minh H, sinh ngày 10/6/1992; Nguyễn Thị H1, sinh ngày 21/10/1998; Nguyễn Văn T, sinh ngày 21/01/2003. Con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên chị L và anh Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đinh Thị L và anh Nguyễn Văn Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Đinh Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4]. Các đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Đinh Thị L và anh Nguyễn Văn Đ là vợ chồng.

2. Về án phí: Chị Đinh Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số 0004756 ngày 06/10/2022 của

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đàn. Chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Đinh Thị L và anh Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/11/2022).

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện Nam Đàn;
- Chi cục THADS huyện Nam Đàn;
- TAND tỉnh Nghệ An
- UBND xã HT, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An;
- Lưu HSVA; VPTA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Văn Phú

